

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 11 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Huệ và ông Lê Thế Kỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà H' Ra Chen - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025 tại phòng xét xử Toà án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn 11, xã N, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn 11, xã N, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T qua tìm hiểu và đến với nhau trên tinh thần tự nguyện, sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (cũ) (Nay là phường 3 B, tỉnh Lâm Đồng) vào năm 2004. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên càng sống với nhau lâu thì chị thấy vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và bất đồng về nhiều mặt trong cuộc sống dẫn đến nhiều mâu thuẫn. Chị và anh T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay nhưng vẫn thường xuyên qua lại để chăm sóc các con. Nay nhận thấy không còn tình cảm với anh Bùi Văn T nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Tuấn có 02 con chung, cháu Bùi Hoàng L, sinh ngày

18/8/2005 và cháu Bùi Hoàng H, sinh ngày 11/5/2015. Tòa án giải quyết ly hôn chỉ có nguyện vọng để anh Bùi Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bùi Hoàng H, sinh ngày 11/5/2015 đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu Bùi Hoàng L, sinh ngày 18/8/2005, cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị L đã tự tìm hiểu và đến với nhau trên tinh thần tình yêu tiến bộ, tự nguyện không bị ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND phường L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (cũ) (Nay là phường 3 B, tỉnh Lâm Đồng) vào năm 2004. Thời gian đầu chúng tôi sống với nhau rất hạnh phúc nhưng càng về sau thì không còn được hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do không hợp nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện nay đã ly thân không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do anh T là người theo đạo nên không đồng ý việc ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Bùi Hoàng L, sinh ngày 18/8/2005 hiện nay cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Bùi Hoàng H, sinh ngày 11/5/2015 cháu H hiện tại đang sống cùng anh. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Bùi Hoàng H, sinh ngày 11/5/2015, tuy nhiên anh T cũng tôn trọng quyền lựa chọn của cháu.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/HĐTP ngày 16/5/2024; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị L đối với anh Bùi Văn T. Về con chung: Giao con chung là Bùi Hoàng H, sinh ngày 11/5/2015 cho anh Bùi Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Bùi Văn T. Anh Tuấn có nơi cư trú tại Thôn 11, xã N, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T chung sống với nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn. Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020. Như vậy vợ chồng Chị L và anh T không còn sống chung với nhau từ năm 2020. Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Đối chiếu với quy định trên, lời khai của các đương sự và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thừa nhận và qua xác minh khẳng định chị L và anh T đã không còn sống chung từ năm 2020. Quá trình giải quyết chị L cương quyết ly hôn, anh T cho rằng không chung sống với nhau nhưng vì theo đạo nên anh không đồng ý ly hôn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị L đối với anh Bùi Văn T

[4]. Về con chung: Hiện cháu Bùi Hoàng H hiện đang sinh sống cùng với anh T, anh T có nguyện vọng nuôi con, quá trình giải quyết cháu H mong muốn được ở với anh T. Do vậy cần giao cháu Bùi Hoàng H, sinh ngày 11/5/2015 cho anh Bùi Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đối với Bùi Hoàng L, sinh ngày 18/8/2005 đã trưởng thành hiện khỏe mạnh, không bệnh tật gì nên không đề cập.

[5]. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7]. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L đối với anh Bùi Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Hoàng H, sinh ngày 11/5/2015 cho anh Bùi Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003211, ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- UBND phường 3 B, tỉnh Lâm Đồng (nơi đương sự đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Khiêm

TANDKV7-LD



